TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 6 – CẦN THƠ** **THÀNH PHỐ CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 60/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 05 - 9 - 2025
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 – CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Huệ

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Thạch Văn Hòa

Ông Nguyễn Văn Ngư

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Tú Lệ, Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 6 – Cần Thơ.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Khu vực 6 – Cần Thơ tham gia phiên tòa: Bà Kim Thị Cẩm Hường - Kiểm sát viên.

Trong ngày 04 và ngày 05 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 6 – Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 119/2025/TLST-HNGĐ, ngày 28 tháng 4 năm 2025 về ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 64/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 7 năm 2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Lê Hoàng V, sinh ngày 23/5/19XX

Địa chỉ: ấp P, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng; Căn cước công dân số: X

Địa chỉ sau sáp nhập: ấp P, xã A, thành phố Cần Thơ (có mặt).

- *Bị đơn*: Ông Châu Hồng T, sinh năm 19XX

Địa chỉ: ấp C, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng

Địa chỉ sau sáp nhập: ấp C, xã A, thành phố Cần Thơ; Chứng minh nhân dân số: XXX (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong đơn khởi kiện ngày 03 tháng 02 năm 2025 của nguyên đơn là bà Lê Hoàng V và một số lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn trình bày:

Nguyên đơn là bà Lê Hoàng V và bị đơn là ông Châu Hồng T kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng vào ngày 24/02/2011. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc và có với nhau một người con chung tên Châu Lê Thảo N, sinh ngày 30/01/2012, hiện cháu N đang sống cùng mẹ. Nguyên nhân mâu thuẫn là do ông T ngoại tình với nhiều người phụ nữ khác ở bên ngoài, thường xuyên rượu chè, cờ bạc, không chăm lo cho gia đình, không có trách nhiệm với con chung dẫn đến vợ chồng không có tiếng nói chung.

Nguyên đơn V khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn V yêu cầu được ly hôn với ông Châu Hồng T.

Về con chung: Nguyên đơn V yêu cầu được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu Châu Lê Thảo N đến tuổi trưởng thành và yêu cầu ông Châu Hồng T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 1.000.000 đồng cho đến khi cháu N đủ 18 tuổi. Tại phiên tòa, nguyên đơn V xin thay đổi một phần yêu cầu về cấp dưỡng nuôi con cụ thể, nguyên đơn yêu cầu nuôi cháu N và yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật. Thời gian cấp dưỡng từ ngày 14/02/2025 (là ngày bà nộp đơn khởi kiện tại Tòa án) cho đến khi cháu N đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn ông Châu Hồng T: Sau khi thụ lý, Tòa án đã tóm tắt nội dung đơn khởi kiện và các yêu cầu của bà Lê Hoàng V tại Thông báo thụ lý vụ án số: 119/TB-TLVA, ngày 28 tháng 4 năm 2025 và đã tống đạt hợp lệ cho ông Châu Hồng T, cũng như đã triệu tập hợp lệ ông Châu Hồng T đến dự phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải hai lần và Tòa án đã Thông báo về kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cho ông. Nhưng ông T không gửi văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện nêu trên của bà V và cũng không đến dự phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Đồng thời, Tòa án cũng ra quyết định đưa vụ án ra xét xử. Ông T cũng đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa sơ thẩm nhưng vẫn vắng mặt không có lý do.

* Tại phiên tòa Kiểm sát viên Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 6 – Cần Thơ trình bày ý kiến như sau: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã tiến hành các thủ tục tố tụng đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự như: Xác định đúng thẩm quyền thụ lý vụ án, quan hệ pháp luật tranh chấp, xác định đúng tư cách tham gia tố tụng của các đương sự, việc thu thập chứng cứ đúng theo quy định. Về thời hạn chuẩn bị xét xử được đảm bảo theo quy định. Về thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên

cứu, việc cấp tống đạt đảm bảo đúng theo quy định. Tại phiên Tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật về phiên tòa sơ thẩm. Nguyên đơn là bà Lê Hoàng V thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, riêng bị đơn là ông Châu Hồng T vắng mặt không có lý do là không thực hiện đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về việc giải quyết vụ án: Đối với yêu cầu khởi kiện của bà Lê Hoàng V, về việc yêu cầu xin ly hôn với ông Châu Hồng T và yêu cầu tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu Châu Lê Thảo N, sinh ngày 30/01/2012 đến tuổi trưởng thành và việc thay đổi một phần yêu cầu về cấp dưỡng nuôi con của nguyên đơn là có căn cứ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét và yêu cầu ông T phải cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật. Nhận thấy, các yêu cầu nêu trên của nguyên đơn là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận, về tài sản chung và nợ chung bà V tự trình bày không có nên đề nghị Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng:

[1] Về xác định quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Theo đơn khởi kiện lập ngày 03 tháng 02 năm 2025, nguyên đơn V yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với bị đơn Châu Hồng T, sinh năm 1988 có địa chỉ tại ấp C, xã A, Thành phố Cần Thơ. Nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là "Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn" và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 6 – Cần Thơ theo quy định tại Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35 và Điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Tại phiên tòa sơ thẩm hôm nay, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai, nhưng bị đơn Châu Hồng T vẫn vắng mặt không rõ lý do. Tại phiên tòa, nguyên đơn V yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn T. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn T theo quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều 227 và Khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án:

[3] Về quan hệ hôn nhân: Bà V và ông T sống chung với nhau từ năm 2011 trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 24 tháng 02 năm 2011, nên quan hệ hôn nhân giữa bà V và ông T là hợp pháp. Khoản 1 Điều 51 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 quy định: "Vợ, chồng hoặc cả hai người có

quyền yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn". Như vậy, bà V có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông T.

[4] Xét yêu cầu xin ly hôn của bà V, Hội đồng xét xử nhận thấy, sau khi kết hôn, bà V và ông T cũng có thời gian chung sống hạnh phúc bên nhau từ năm 2011 đến cuối năm 2024 và từ đó đến nay mâu thuẫn giữa ông bà đã trầm trọng không thể hàn gắn được và đã sống ly thân từ đó cho đến nay, tại phiên tòa bà V kiên quyết ly hôn với ông T. Như vậy, bà V và ông T đã vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của vợ chồng, đó là không thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, không sống chung với nhau làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài và mục đích của hôn nhân cũng không đạt được. Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 có quy định: "*Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được*". Do đó, yêu cầu xin ly hôn của bà V là có căn cứ, Hội đồng xét xử chấp nhận cho bà V ly hôn với ông T.

[5] Về con chung: Bà Lê Hoàng V yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Châu Lê Thảo N, sinh ngày 30/01/2012 cho đến khi cháu N đủ 18 tuổi. Hội đồng xét xử nhận thấy, từ khi bà V và ông T sống ly thân cho đến nay cháu N đều do bà V trực tiếp chăm sóc, cuộc sống của cháu đang ổn định, tâm lý về mọi mặt được đảm bảo và cháu hiện tại cũng được bà V cho đi học đầy đủ. Đồng thời tại biên bản ghi nhận ý kiến của cháu N thì cháu có nguyện vọng được tiếp tục sống chung với mẹ. Từ những phân tích nêu trên Hội đồng xét xử căn cứ vào Khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 có quy định: "*Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, quyền, nghĩa vụ của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án giải quyết giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con*" chấp nhận yêu cầu của bà V giao cháu N cho bà V được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu N đủ 18 tuổi.

[6] Về cấp dưỡng nuôi con: Theo nội dung đơn khởi kiện nguyên đơn yêu cầu bị đơn T phải cấp dưỡng nuôi cháu N là mỗi tháng là 1.000.000 đồng cho đến khi cháu N đủ 18 tuổi, tuy nhiên tại phiên tòa nguyên đơn thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện là yêu cầu bị đơn T phải cấp dưỡng nuôi cháu N theo quy định của pháp luật, thời gian cấp dưỡng từ ngày nguyên đơn nộp đơn khởi kiện là ngày 14/02/2025 cho đến khi cháu N đủ 18 tuổi. Nhật thấy, việc thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện nêu trên là có căn cứ được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Hội đồng xét xử nhận thấy: Khoản 2 Điều 82 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 quy định: "*Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng*

nuôi con" và cũng theo Điều 7 Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTPđịnh nghĩa vụ cấp dưỡng cho con quy định tại khoản 2 Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình 2014sau: "*Tiền cấp dưỡng cho con là toàn bộ chi phí cho việc nuôi dưỡng, học tập của con và do các bên thỏa thuận. Trường hợp các bên không thoả thuận được thì Tòa án quyết định mức cấp dưỡng căn cứ vào thu nhập, khả năng thực tế của người có nghĩa vụ cấp dưỡng và nhu cầu thiết yếu của người được cấp dưỡng. Mức cấp dưỡng do Tòa án quyết định nhưng không thấp hơn một nửa tháng lương tối thiểu vùng tại nơi người cấp dưỡng đang cư trú cho mỗi tháng đối với mỗi người con".* Bị đơn T là người không trực tiếp nuôi cháu N thì phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con vì việc cấp dưỡng nuôi con là quyền và nghĩa vụ của cha, mẹ không trực tiếp nuôi con. Từ những phân tích nêu trên cần buộc bị đơn phải cấp dưỡng 1.725.000 đồng/tháng phù hợp với điều kiện sống hiện nay tại địa phương. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà V và ông T phải cấp dưỡng nuôi cháu N mỗi tháng là 1.725.000 đồng đồng cho đến khi cháu N đủ 18 tuổi và có khả năng lao động. Thời gian bắt đầu tính cấp dưỡng tính từ ngày 14/02/2025 (ngày bà V nộp đơn khởi kiện).

[7] Ngoài ra, Khoản 3 Điều 82 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 còn quy định: "*Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở*". Như vậy, ông T là người không trực tiếp nuôi con nên có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[8] Về tài sản chung và nợ chung: Bà Lê Hoàng V tự khai không có, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[9] Từ những phân tích trên, đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Hoàng V và đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 6 – Cần Thơ

[10] Về án phí sơ thẩm: Bà V phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn và bị đơn T phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại khoản 5 và Khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, điểm b Khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228, Khoản 3 Điều 235 và Điều 238, Điều 244, Điều 271, Điều 273, Điều 278, Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 19, Khoản 1 Điều 51, Khoản 1 Điều 56, Khoản 2 Điều 81, Khoản 2 và Khoản 3 Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 7 Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP16/5/2024; Khoản 5 và Khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa

án;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Hoàng V

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Lê Hoàng V và ông Châu Hồng T.

2. Về nuôi con chung:

2.1. Giao con chung tên Châu Lê Thảo N (nữ, sinh ngày 30 tháng 01 năm 2012) hiện đang sống chung với bà V cho bà Lê Hoàng V trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu N đủ 18 tuổi.

2.2. Về cấp dưỡng nuôi con: Buộc ông Châu Hồng T phải cấp dưỡng nuôi con chung là cháu Châu Lê Thảo N mỗi tháng 1.725.000 đồng (một triệu, bảy trăm hai mươi năm ngàn đồng) cho đến khi cháu N đủ 18 tuổi và có khả năng lao động. Thời gian bắt đầu tính cấp dưỡng tính từ ngày 14/02/2025 (ngày bà V nộp đơn khởi kiện).

2.3. Ông T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở ông T thực hiện quyền này, theo quy định tại Khoản 3 Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014

3. Về tài sản chung và nợ chung: Bà Lê Hoàng V tự khai không có, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà V phải chịu là 300.000 đồng án phí ly hôn nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0000104 ngày 19/02/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng (nay là Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 6). Bà V đã nộp xong án phí dân sự sơ thẩm.

Bị đơn Châu Hồng T phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con số tiền là 300.000 đồng.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ, để yêu cầu Tòa án nhân dân Thành phố Cần Thơ xét xử lại theo trình tự phúc thẩm.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:
- TAND Tp Cần Thơ;
- VKSND Khu vực 6 – Cần Thơ;
- Các đương sự;
- Phòng THA dân sự Khu vực 6 – Cần Thơ;
- UBND xã A, Tp Cần Thơ;
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký và đóng dấu)

Nguyễn Thị Kim Huệ